

Số: 24 /GPMT-UBND

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 01)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải (cũ) cấp phép cho Công ty TNHH Chi Tac Việt Nam;

Xét Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường số 15/CV-CT ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Văn bản số 04/CV-CT ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Chi Tac Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 70/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh thông tin chung của dự án đầu tư và nội dung Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 cấp cho Công ty TNHH Chi Tac Việt Nam, có địa chỉ tại Lô CN03, Cụm công nghiệp An Ninh,

xã Tiên Hải, tỉnh Hưng Yên, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024.

“1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Dự án sản xuất đồ chơi.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN03, Cụm công nghiệp An Ninh, xã Tiên Hải, tỉnh Hưng Yên (thuê lại nhà xưởng và các công trình phụ trợ của Công ty Cổ phần Damsan).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001285159 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2024, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7650055125 do Sở Tài chính tỉnh Thái Bình (cũ) chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2024, chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 30 tháng 6 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 1001285159.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đồ chơi, trò chơi (mã ngành theo VSIC 3240); sản xuất sản phẩm từ plastic (mã ngành theo VSIC 2220); sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (mã ngành theo VSIC 2023); sản xuất khác chưa được phân vào đâu (mã ngành theo VSIC 3290).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích đất sử dụng: 29.398 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C.

- Dự án thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Công suất thiết kế:

+ Đồ chơi bằng nhựa (bao gồm đồ chơi có thể di chuyển, phát ra âm thanh, ánh sáng): 2.100 tấn /năm.

+ Đồ chơi bằng vải, bông: 1.400 tấn/năm.

+ Đồ chơi trẻ em (slime, nước thổi bong bóng, đất nặn, cát động lực): 2.350 tấn/năm.

+ Sản xuất đồ gia dụng từ nhựa, sản phẩm khác từ nhựa: 350 tấn/năm.

+ Hóa mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh (dầu gội, sữa tắm, dầu xả, kem dưỡng, son, muối tắm sủi bọt,...): 1.155 tấn/năm.

+ Bút màu: 32 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình công nghệ sản xuất đồ chơi bằng nhựa:

Hạt nhựa nguyên sinh → Nghiền hạt nhựa, trộn phối màu → Đùn ép tạo hình → Phun sơn, sấy điện → In phun, in PAD → Lắp ráp sản phẩm → Kiểm tra, đóng gói.

+ Quy trình công nghệ sản xuất đồ gia dụng từ nhựa, sản phẩm khác từ nhựa:

Hạt nhựa nguyên sinh → Nghiền hạt nhựa, trộn phối màu → Đùn ép tạo hình → Phun sơn, sấy điện → Lắp ráp phụ kiện → Kiểm tra chất lượng, đóng gói xuất xưởng.

+ Quy trình công nghệ sản xuất đồ chơi bằng vải, bông:

Nguyên liệu vải, bông → Cắt vải → May định hình → Làm sạch bụi, bụi vải, kiểm tra kim loại (khử từ) → Nhồi bông → Đóng gói và xuất xưởng.

+ Quy trình công nghệ sản xuất đồ chơi trẻ (slime, nước thổi bong bóng, đất nặn, cát động lực):

(1) Quy trình công nghệ sản xuất slime:

Nguyên liệu (bột, keo nước, keo sữa, màu thực phẩm,...) → Khuấy trộn → Xuất liệu, đóng gói kín, lấy mẫu → Kiểm tra vi sinh trong phòng thí nghiệm → Đóng chai với sản phẩm đạt yêu cầu → Đóng gói và xuất xưởng.

(2) Quy trình công nghệ sản xuất nước thổi bong bóng:

Nguyên liệu (nước rửa chén, bột nở đường,...) → Khuấy trộn → Xuất liệu, đóng gói kín, lấy mẫu → Kiểm tra vi sinh trong phòng thí nghiệm → Đóng chai với sản phẩm đạt yêu cầu → Đóng gói và xuất xưởng.

(3) Quy trình công nghệ sản xuất đất nặn, cát động lực:

Nguyên liệu (dầu, sáp, khoáng sét, bột,...) → Nhồi trộn, phối màu → Xuất liệu, đóng gói kín, lấy mẫu → Kiểm tra vi sinh trong phòng thí nghiệm → Đóng gói với sản phẩm đạt yêu cầu → Đóng gói và xuất xưởng.

+ Quy trình công nghệ sản xuất hóa mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh (dầu gội, sữa tắm, dầu xả, kem dưỡng, son, muối tắm sủi bọt,...):

(1) Quy trình công nghệ sản xuất dầu gội, sữa tắm, dầu xả, kem dưỡng, muối tắm sủi bọt, ...:

Nguyên liệu (hóa chất không độc hại, chất tạo bọt, chất làm mềm da, dược liệu, chất làm sạch,...) → Cân định lượng → Khuấy và gia nhiệt trong nồi trộn dung dịch, bổ sung hương liệu và các chất phụ gia khác → Kiểm tra pH → Xuất liệu với sản phẩm đạt yêu cầu → Đóng chai, đóng bao bì → Nhập kho → Kiểm tra → Xuất hàng.

(2) Quy trình công nghệ sản xuất son:

Nguyên liệu (dầu, sáp,...) → Cân định lượng → Nghiền bột → Khuấy và

gia nhiệt trong nồi trộn dung dịch, bổ sung hương liệu và các chất phụ gia khác
→ Lọc, rót, chiết → Tạo hình, làm lạnh nhanh, tháo khuôn → Lắp thổi sơn vào vỏ → Kiểm tra → Đóng gói, xuất hàng.

+ Quy trình công nghệ sản xuất bút màu:

Hạt nhựa nguyên sinh → Gia nhiệt, tạo hình thân bút → Lắp ruột bút (tạo ruột bút từ bông) → Đổ màu, lắp đầu bút → Đóng gói, xuất xưởng.”.

Điều 2. Công ty TNHH Chi Tac Việt Nam tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 3. Giấy phép môi trường này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 hết hiệu lực./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm PVHCC - Cơ sở 1 (trả kết quả);
- UBND xã Tiền Hải;
- Công ty TNHH Chi Tac Việt Nam;
- Công ty Cổ phần sợi Eiffel;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải công khai);
- Lưu: VT, KT2^{Thìn}.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
02/02/2026 08:10:23

Nguyễn Hùng Nam



PHỤ LỤC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Điều chỉnh yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:

- Bỏ nội dung Phần A Phụ lục 1 của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05/12/2024.

- Điều chỉnh nội dung tại Mục 1.1 Phần B Phụ lục 1 của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05/12/2024, cụ thể như sau:

“1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh, nhà ăn công nhân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó theo đường ống dẫn về 02 hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của CCN An Ninh. Vị trí 02 hố ga đầu nối nước thải sinh hoạt nằm trên trục đường quy hoạch D2 có tọa độ lần lượt là: ($X_{(m)} = 2256292.571$, $Y_{(m)} = 601765.731$) và ($X_{(m)} = 2256449.903$, $Y_{(m)} = 601709.944$) (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

Công ty Cổ phần sợi Eiffel và Công ty Cổ phần Damsan đã ký Biên bản thỏa thuận đầu nối đường nước thải ngày 22/8/2023; Công ty Cổ phần sợi Eiffel và Công ty TNHH Chi Tac Việt Nam đã ký Hợp đồng dịch vụ số 0212/2024/HDDXLNT/EF-CT ngày 02/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải của 01 bể đập bụi sơn của hệ thống xử lý khí thải dây chuyền phun sơn được lắng cặn và nạo vét định kỳ, sau đó sử dụng tuần hoàn lại cho đập bụi, không thải ra môi trường.

+ Nước thải từ khu vực mài nước dẫn về bể 1, bể 2, bể 3 để lắng cặn, tuần hoàn lại để mài ướt, không xả ra môi trường.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình thau rửa máy móc thiết bị sản xuất các sản phẩm (slime, bong bóng, hóa mỹ phẩm, bút màu) được thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý, không thải ra môi trường.”.

- Điều chỉnh nội dung tại Mục 1.2 Phần B Phụ lục 1 của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05/12/2024, cụ thể như sau:

“1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý:

+ Nước thải sinh hoạt của dự án → Bể tự hoại 3 ngăn → Thu gom đầu nối hệ thống thu gom nước thải của CCN An Ninh.

+ Nước thải sản xuất:

Nước thải từ bể đập bụi sơn (lắng cặn, nạo vét cặn tại bể) → Nước trong

được bơm sử dụng tuần hoàn lại 100% cho bể đập bụi.

Nước thải từ khu vực mài nước → Bể lắng cặn → Tuần hoàn lại 100% cho công đoạn mài ướt.

Nước thải từ việc thau rửa máy móc thiết bị sản xuất các sản phẩm (slime, bong bóng, hóa mỹ phẩm, bút màu) → Thùng chứa nước thải → Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng đến thu gom, xử lý.”.

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

- Điều chỉnh nội dung tại Mục 2.2 phần A phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05/12/2024, cụ thể như sau:

“2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Dòng khí thải số 1: 36.836 m³/giờ;

Dòng khí thải số 2: 36.836 m³/giờ;

Dòng khí thải số 3: 36.836 m³/giờ;

Dòng khí thải số 4: 36.836 m³/giờ;

Dòng khí thải số 5: 30.000 m³/giờ.

Tổng lưu lượng xả khí thải tối đa của dự án: 177.344 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục theo các thời điểm sản xuất trong ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C; cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 50		
3	Benzen	mg/Nm ³	≤ 5	01 năm/lần	
4	Toluen	mg/Nm ³	≤ 50		
5	Xylen	mg/Nm ³	≤ 150		

- Điều chỉnh nội dung tại Mục 1.1 phần B Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05/12/2024, cụ thể như sau:

“1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý: Thu bụi, khí thải từ 04 dây chuyền phun sơn và 01 buồng phun sơn (của 4 thiết bị phun sơn cỡ trung) được thu gom dẫn vào 05 hệ thống xử lý, khí thải (đập bụi bằng nước và hấp phụ bằng than hoạt tính) sau khi lọc bụi và xử lý khí. Khí sạch thoát ra ngoài môi trường qua 05 ống thoát: 04 ống kích thước D700mm và 01 ống kích thước D600mm, chất liệu thép không gỉ.”.

- Điều chỉnh một phần nội dung tại Mục 1.2 Phần B Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05/12/2024, cụ thể như sau:

“- 04 hệ thống xử lý khí thải của 8 dây chuyền phun sơn: Hệ thống đường ống thu gom khí thải → Bể đập bụi sơn → Tủ hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường.”.

- Điều chỉnh một phần nội dung tại Mục 1.2.3 Phần B Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05/12/2024, cụ thể như sau:

“1.3. Công suất thiết kế:

- Hệ thống xử lý khí thải số 1 (xử lý cho dây chuyền phun sơn số 1 + 2): công suất 36.836 m³/giờ;

- Hệ thống xử lý khí thải số 2 (xử lý cho dây chuyền phun sơn số 3 + 4): công suất 36.836 m³/giờ;

- Hệ thống xử lý khí thải số 3 (xử lý cho dây chuyền phun sơn số 5 + 6): công suất 36.836 m³/giờ;

- Hệ thống xử lý khí thải số 4 (xử lý cho dây chuyền phun sơn số 7 + 8): công suất 36.836 m³/giờ;

- Hệ thống xử lý khí thải số 5 (xử lý cho 04 thiết bị phun sơn cỡ trung): công suất 30.000 m³/giờ.”.

3. Điều chỉnh về bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Điều chỉnh nội dung tại Mục 3 Phần A Phụ lục 3 của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05/12/2024, cụ thể như sau:

“3. Tiếng ồn độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6h00 - trước 18h00 (dBA)	Từ 18h00 - trước 22h00 (dBA)	Từ 22h00 - trước 6h00 (dBA)		
1	70	65	60	Không quy định	Khu vực E

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6h00-trước 22h00	Từ 22h00 - trước 6h00		
1	70	65	Không quy định	Khu vực D

4. Điều chỉnh về yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Điều chỉnh một phần nội dung tại Mục 1 Phần A Phụ lục 4 của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05/12/2024, cụ thể như sau:

“1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp cần phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải nguy hại		
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	200
	Tổng		200
II	CTR công nghiệp phải kiểm soát		
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau có dính thành phần nguy hại	18 02 01	70
2	Vỏ thùng sơn, vỏ thùng đựng dung môi	18 01 03	476
3	Mực in thải	08 02 01	100
4	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	
5	Nước thải rửa khuôn in	19 10 01	300
6	Nước thải từ quá trình thau rửa các bể xử lý, tuần hoàn nước thải đập bụi sơn, bụi mài	19 10 01	21.600
7	Cặn thu từ các bể xử lý nước thải	19 10 02	480
8	Nước thải từ quá trình thau rửa máy móc, thiết bị từ sản xuất một số sản phẩm mới	19 10 01	225
9	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 02 06	900
	Tổng		24.151

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Vải vụn từ quá trình cắt các	143,94
2	Các ống giấy quấn cuộn vải, ống chỉ may, chỉ may thừa khi làm sạch sản phẩm	
3	Bavia đầu mẫu nhựa thừa	
4	Nilon rách, giấy tạo đường mẫu, giấy loại bọc sản	

	phẩm, hộp đóng sản phẩm	
5	Bông từ quá trình nhồi bông	
6	Vỏ bao bì hỏng	
7	Sản phẩm lỗi, hỏng, không đạt yêu cầu	
8	Bùn cặn thu gom từ hệ thống thoát nước mưa	0,58
	Tổng	144,5

- Điều chỉnh một phần nội dung tại Mục 2.1, Mục 2.2 Phần A Phụ lục 4 của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05/12/2024, cụ thể như sau:

“2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích kho lưu giữ: 32,8 m².”.

“2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho lưu giữ: 82,96 m².”.

5. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh:

Yêu cầu Công ty TNHH Chi Tac Việt Nam thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này; tiếp tục thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 38/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; công khai Giấy phép môi trường điều chỉnh theo quy định của pháp luật./. 